

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG PHÙ LIỄN**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
(Cập nhật tháng 11 năm 2025)**

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1	3.000501.H24	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp
2	1.014207.H24	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ – sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT)...	An toàn bức xạ và hạt nhân
3	1.014205.H24	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ – sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, SPECT; thiết bị phát tia X...	An toàn bức xạ và hạt nhân
4	1.002238.H24	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	Mỹ phẩm
5	1.014204.H24	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ – sử dụng thiết bị chụp cắt lớp PET/CT, SPECT/CT; thiết bị phát tia X...	An toàn bức xạ và hạt nhân
6	1.014026.H24	Phê duyệt điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn
7	1.014126.H24	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản
8	1.014125.H24	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản
9	1.014127.H24	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản
10	3.000502.H24	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng, phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp
11	1.014105.H24	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân...	Dược phẩm
12	1.014104.H24	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (thuộc Sở Y tế)	Dược phẩm

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
13	1.014102.H24	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược phẩm
14	1.014101.H24	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm
15	1.014100.H24	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược (bị mất/hư hỏng) – xét hồ sơ	Dược phẩm
16	1.014099.H24	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược trong trường hợp bị ghi sai do lỗi cơ quan cấp	Dược phẩm
17	1.014090.H24	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của người nhập cảnh	Dược phẩm
18	1.014087.H24	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất...	Dược phẩm
19	1.014078.H24	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại ngắn hơn quy định	Dược phẩm
20	1.014076.H24	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược (thuộc Sở Y tế)	Dược phẩm
21	1.014092.H24	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm trường hợp bị thu hồi theo luật)	Dược phẩm
22	1.008907.H24	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại
23	1.008908.H24	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại...	Hòa giải thương mại
24	1.014022.H24	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
25	1.014027.H24	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội
26	1.008909.H24	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	Hòa giải thương mại
27	1.008910.H24	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại
28	1.008911.H24	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài	Hòa giải thương mại
29	1.014021.H24	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
30	3.000496.H24	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Phụ lục Công ước CITES	Kiểm lâm

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
31	1.004819.H24	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Phụ lục Công ước CITES	Kiểm lâm
32	1.014028.H24	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội
33	1.014011.H24	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
34	1.014010.H24	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
35	1.002373.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y
36	1.013871.H24	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần	Tổ chức cán bộ
37	1.012422.H24	Đề nghị xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	Thi đua, khen thưởng
38	1.013876.H24	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần	Tổ chức cán bộ
39	1.013855.H24	Cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với dịch vụ ăn uống	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
40	1.013829.H24	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
41	1.013838.H24	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) thực phẩm xuất khẩu	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
42	1.013857.H24	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
43	1.013858.H24	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu (thực phẩm dinh dưỡng...)	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
44	1.013862.H24	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước (thực phẩm dinh dưỡng...)	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
45	1.013844.H24	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm (ISO/IEC 17025)	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
46	1.013854.H24	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
47	1.013851.H24	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
48	1.013850.H24	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
49	1.013841.H24	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
50	1.009566.H24	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm
51	1.009346.H24	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	Thi đua, khen thưởng
52	1.006427.H24	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ
53	2.001088.H24	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Dân số - Sức khỏe sinh sản
54	1.000025.H24	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	Quản lý doanh nghiệp
55	1.011729.H24	Xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị vật liệu xây dựng nhẹ... Nhóm 98.22	Hải quan

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
56	1.000704.H24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kinh doanh khí
57	1.013126.H24	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	Ứng phó sự cố tràn dầu
58	1.013127.H24	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho các cảng, tổng kho, kho xăng dầu dưới mức quy định	Ứng phó sự cố tràn dầu
59	1.013979.H24	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước/cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông khi chưa có GCN	Đất đai
60	1.013978.H24	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp GCN lần đầu	Đất đai
61	1.013967.H24	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND cấp xã	Đất đai
62	1.008672.H24	Cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH
63	1.004117.H24	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu phi thương mại	Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH
64	3.000438.H24	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Biển và hải đảo
65	3.000435.H24	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý của tỉnh	Biển và hải đảo
66	3.000437.H24	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Biển và hải đảo
67	3.000436.H24	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học vùng biển	Biển và hải đảo
68	2.001730.H24	Cấp CFS đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc Bộ Nông nghiệp & Môi trường quản lý	Quản lý chất lượng NLTS
69	1.003111.H24	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng NLTS
70	1.002996.H24	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Quản lý chất lượng NLTS
71	1.004678.H24	Cấp/cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển (khu vực ngoài 6 hải lý...)	Thủy sản

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
72	2.001254.H24	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm	Quản lý chất lượng NLTS
73	1.004929.H24	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	Thủy sản
74	1.004669.H24	Cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho nhà đầu tư nước ngoài	Thủy sản
75	2.001694.H24	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có trong Danh mục để nghiên cứu, trưng bày	Thủy sản
76	1.003726.H24	Cấp lại GCN cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Thủy sản
77	3.000443.H24	Công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo
78	3.000440.H24	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo
79	3.000439.H24	Giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo
80	1.004160.H24	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH
81	1.004150.H24	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH
82	1.004096.H24	Gia hạn giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH
83	1.013768.H24	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước	Thủy lợi
84	3.000442.H24	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng	Biển và hải đảo
85	3.000441.H24	Trả lại khu vực biển để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo
86	3.000179.H24	Cấp giấy phép xuất/nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp
87	3.000180.H24	Cấp lại giấy phép xuất/nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (mất, hỏng)	Lâm nghiệp
88	2.001726.H24	Sửa đổi/bổ sung/cấp lại CFS đối với hàng xuất khẩu thuộc Bộ NN&MT	Quản lý chất lượng NLTS
89	1.003082.H24	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đạt ISO 17025	Quản lý chất lượng NLTS

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
90	1.003058.H24	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Quản lý chất lượng NLTS
91	1.004943.H24	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản
92	1.004683.H24	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi thủy sản	Thủy sản
93	1.004654.H24	Công bố mở cảng cá loại I	Thủy sản
94	1.003851.H24	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	Thủy sản
95	1.003741.H24	Cấp GCN cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Thủy sản
96	1.004794.H24	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để nghiên cứu, trưng bày	Thủy sản
97	1.013861.H24	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin/ dữ liệu khí tượng thủy văn với quốc tế	Khí tượng, thủy văn
98	1.013863.H24	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết	Khí tượng, thủy văn
99	1.013778.H24	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa	Xuất nhập khẩu
100	1.012434.H24	Gia hạn giấy phép xuất/nhập khẩu hóa chất Bảng 2, 3	Hóa chất
101	1.012430.H24	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất
102	1.005376.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước
103	1.005372.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí
104	1.004007.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (≥ 3 triệu lít/năm)	Công nghiệp tiêu dùng
105	1.003977.H24	Cấp giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước
106	1.003775.H24	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất
107	2.001585.H24	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất
108	1.003724.H24	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất
109	1.000491.H24	Cấp điều chỉnh GCN đủ điều kiện thương nhân xuất/nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí
110	1.013989.H24	Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	Chất lượng sản phẩm hàng hóa

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
111	1.013987.H24	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền cấp tỉnh	Dầu khí
112	1.003951.H24	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	An toàn thực phẩm
113	2.001682.H24	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	An toàn thực phẩm
114	2.001675.H24	Cấp bổ sung, sửa đổi GCN đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
115	1.003929.H24	Đăng ký thay đổi/bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng ATTP	An toàn thực phẩm
116	2.001660.H24	Đăng ký thay đổi/bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	An toàn thực phẩm
117	1.003860.H24	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng ATTP	An toàn thực phẩm
118	1.001323.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
119	2.000628.H24	Cấp bổ sung, sửa đổi GCN đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
120	1.001271.H24	Cấp GCN đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
121	2.000618.H24	Cấp bổ sung, sửa đổi GCN đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
122	2.000598.H24	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
123	1.001238.H24	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu
124	1.000709.H24	Cấp lại GCN đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kinh doanh khí
125	2.000209.H24	Nhập khẩu thuốc lá phi thương mại	Công nghiệp tiêu dùng
126	2.000147.H24	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Khoa học, công nghệ

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
127	1.013997.H24	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (không thuộc lực lượng vũ trang)	Thú y
128	1.013780.H24	Nhượng bán/xuất khẩu/tái xuất/thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng
129	1.012443.H24	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất
130	1.005406.H24	Gia hạn GCN đăng ký quyền xuất khẩu/nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu
131	1.003820.H24	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất
132	1.012442.H24	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất
133	1.012441.H24	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất
134	1.005405.H24	Cấp lại/sửa đổi/bổ sung GCN đăng ký quyền xuất/nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu
135	1.003992.H24	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (≥ 3 triệu lít/năm)	Lưu thông hàng hóa trong nước
136	1.013779.H24	Cấp Giấy phép cho thương nhân ký hợp đồng đại lý mua bán hàng hóa xuất khẩu	Công nghiệp tiêu dùng
137	1.012440.H24	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất
138	1.012439.H24	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất
139	1.012433.H24	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất/nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất
140	1.012432.H24	Cấp lại Giấy phép xuất/nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất
141	1.012431.H24	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất
142	1.012429.H24	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất
143	2.001573.H24	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp
144	1.003705.H24	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
145	3.000465.H24	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	Văn bằng, chứng chỉ
146	3.000467.H24	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ
147	3.000466.H24	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	Văn bằng, chứng chỉ
148	3.000468.H24	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ
149	1.000905.H24	Cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Xuất nhập khẩu
150	2.000140.H24	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động
151	2.000066.H24	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động
152	2.001424.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí
153	1.003101.H24	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước
154	2.000431.H24	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất
155	1.000510.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí
156	1.004021.H24	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Lưu thông hàng hóa trong nước
157	1.001419.H24	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Xuất nhập khẩu
158	1.000957.H24	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Xuất nhập khẩu
159	1.000706.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí
160	2.000257.H24	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất
161	1.000387.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí
162	2.000133.H24	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
163	1.000350.H24	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu
164	2.000026.H24	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại
165	1.005184.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí
166	2.001722.H24	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3	Hóa chất
167	1.004031.H24	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3	Hóa chất
168	1.013991.H24	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh	Xuất nhập khẩu
169	1.013990.H24	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Chất lượng sản phẩm hàng hóa
170	2.001665.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
171	2.001595.H24	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm
172	1.004155.H24	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Xuất nhập khẩu
173	1.004191.H24	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu
174	1.004181.H24	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	Xuất nhập khẩu
175	2.001758.H24	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Xuất nhập khẩu
176	2.001293.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm
177	2.001278.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm
178	2.000604.H24	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
179	1.001292.H24	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
180	2.000624.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
181	1.001104.H24	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu
182	1.000981.H24	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng
183	2.000401.H24	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
184	1.000742.H24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Kinh doanh khí
185	2.000324.H24	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp
186	1.000475.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Kinh doanh khí
187	2.000117.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm
188	1.000264.H24	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	Xuất nhập khẩu
189	2.000613.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
190	1.001062.H24	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu
191	1.000949.H24	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến phục vụ xuất khẩu/gia công	Công nghiệp tiêu dùng
192	1.000948.H24	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng
193	1.000911.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng
194	1.000890.H24	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
195	1.000551.H24	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu
196	1.000477.H24	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm hoặc tạm ngừng xuất/nhập khẩu	Xuất nhập khẩu
197	2.000304.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kinh doanh khí
198	1.000667.H24	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng
199	2.000251.H24	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
200	1.000455.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Kinh doanh khí
201	1.000376.H24	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
202	1.000361.H24	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
203	1.000363.H24	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điều, xì gà	Công nghiệp tiêu dùng
204	1.000358.H24	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
205	1.000172.H24	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá... phục vụ sản xuất thuốc lá xuất khẩu	Công nghiệp tiêu dùng
206	1.000168.H24	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
207	2.000129.H24	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
208	2.000115.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm
209	1.000162.H24	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ... trong lĩnh vực thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng
210	1.010090.H24	Công nhận các tiêu chuẩn GAP khác để hưởng hỗ trợ trong nông nghiệp	Trồng trọt
211	1.007998.H24	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	Trồng trọt

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
212	1.012071.H24	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng	Trồng trọt
213	1.012073.H24	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
214	1.007994.H24	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai chưa được cấp lưu hành...	Trồng trọt
215	1.012072.H24	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
216	1.012070.H24	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	Trồng trọt
217	1.012063.H24	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
218	1.012064.H24	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
219	1.012062.H24	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
220	1.011998.H24	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
221	1.007999.H24	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, triển lãm...	Trồng trọt
222	1.001338.H24	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
223	1.013809.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất	Thú y
224	1.013811.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất	Thú y
225	1.013813.H24	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất	Thú y
226	1.013751.H24	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – GDTX tư thục	Giáo dục thường xuyên
227	1.013761.H24	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục	Giáo dục nghề nghiệp
228	1.013760.H24	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục	Giáo dục nghề nghiệp
229	1.013762.H24	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu trường trung cấp tư thục	Giáo dục nghề nghiệp

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
230	1.013763.H24	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp
231	1.013765.H24	Thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn nước ngoài (không vì lợi nhuận)	Giáo dục nghề nghiệp
232	1.013757.H24	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên
233	1.013756.H24	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên
234	1.012818.H24	Thu hồi, cấp lại Giấy chứng nhận đất đai cấp sai lần đầu	Đất đai
235	1.013755.H24	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên
236	1.013752.H24	Cho phép trung tâm GDTX, GDNN – GDTX tư thực hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên
237	1.013753.H24	Sáp nhập, chia, tách trung tâm GDTX, GDNN – GDTX tư thực	Giáo dục thường xuyên
238	1.013754.H24	Giải thể trung tâm GDTX, GDNN – GDTX tư thực	Giáo dục thường xuyên
239	1.013759.H24	Thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở GDNN cho người khuyết tật, phân hiệu trường trung cấp	Giáo dục nghề nghiệp
240	1.013758.H24	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên
241	1.013764.H24	Thành lập trường trung cấp, trung tâm GDNN có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp
242	3.000482.H24	Cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn/đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
243	3.000474.H24	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng SP, HH	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
244	3.000479.H24	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống QLCL TCVN ISO 9001	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
245	3.000483.H24	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo tư vấn, đánh giá ISO 9001	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
246	3.000477.H24	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn độc lập	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
247	3.000475.H24	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn ISO 9001 cho tổ chức tư vấn	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
248	3.000480.H24	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá ISO 9001 cho tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
249	3.000485.H24	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo tư vấn, đánh giá ISO 9001	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
250	3.000481.H24	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001...	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
251	3.000478.H24	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn độc lập	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
252	3.000476.H24	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001 cho tổ chức tư vấn	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
253	3.000487.H24	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
254	3.000486.H24	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
255	3.000488.H24	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
256	3.000469.H24	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
257	3.000484.H24	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá ISO 9001	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
258	3.000472.H24	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
259	3.000470.H24	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
260	3.000473.H24	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
261	3.000471.H24	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
262	1.013945.H24	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Đất đai
263	1.013947.H24	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Đất đai
264	1.013994.H24	Đăng ký, cấp GCN đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Đất đai
265	3.000130.H24	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Chăn nuôi
266	1.008124.H24	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi
267	1.011031.H24	Cấp GCN đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi
268	1.007927.H24	Cấp GCN đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và BVTV
269	1.007929.H24	Cấp phép nhập khẩu phân bón	Trồng trọt và BVTV
270	1.003971.H24	Cấp phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và BVTV
271	1.007928.H24	Cấp lại GCN đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và BVTV
272	1.004524.H24	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và BVTV
273	1.007926.H24	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Trồng trọt và BVTV
274	1.003703.H24	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Thú y

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
275	1.013965.H24	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất đa mục đích	Đất đai
276	1.013790.H24	Thủ tục tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Báo chí
277	1.013801.H24	Cho phép VN định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu	Di sản văn hóa
278	1.013785.H24	Cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí địa phương	Báo chí
279	1.013786.H24	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung giấy phép xuất bản phụ trương	Báo chí
280	1.013787.H24	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương	Báo chí
281	1.013788.H24	Cấp giấy phép xuất bản đặc san tại địa phương	Báo chí
282	1.008720.H24	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục sang hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
283	1.001501.H24	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
284	2.000545.H24	Thành lập cơ sở giáo dục mầm non/phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
285	2.000130.H24	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức GDNN nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp
286	1.000159.H24	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép văn phòng đại diện GDNN nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp
287	2.000451.H24	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
288	2.000680.H24	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
289	2.000729.H24	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
290	1.008721.H24	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
291	1.013815.H24	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
292	1.013814.H24	Đăng ký thành lập, thay đổi nội dung, cấp lại GCN cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	Bảo trợ xã hội
293	1.013819.H24	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông (mạng cố định có hạ tầng)	Viễn thông và Internet
294	1.013877.H24	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông (mạng cố định không hạ tầng)	Viễn thông và Internet
295	1.013909.H24	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng	Viễn thông và Internet
296	1.013820.H24	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập	Bảo trợ xã hội
297	1.013885.H24	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông (loại hình có hạ tầng mạng)	Viễn thông và Internet
298	1.013888.H24	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông (loại hình không có hạ tầng mạng)	Viễn thông và Internet
299	1.013817.H24	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Bảo trợ xã hội
300	1.013911.H24	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet
301	2.002775.H24	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện
302	2.002783.H24	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện
303	2.002785.H24	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện
304	2.002786.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện
305	2.002780.H24	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện
306	1.013864.H24	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Y tế Dự phòng
307	1.013860.H24	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Y tế Dự phòng
308	1.013886.H24	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Y tế Dự phòng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
309	1.013883.H24	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế Dự phòng
310	1.013875.H24	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu	Y tế Dự phòng
311	1.013881.H24	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu	Y tế Dự phòng
312	1.013880.H24	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng... phục vụ mục đích viện trợ	Y tế Dự phòng
313	1.013896.H24	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy (bên thứ ba) đối với thuốc lá	Y tế Dự phòng
314	1.013898.H24	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy (bên thứ nhất) đối với thuốc lá	Y tế Dự phòng
315	1.013873.H24	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Y tế Dự phòng
316	1.013899.H24	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng...	Viễn thông và Internet
317	1.013902.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng...	Viễn thông và Internet
318	1.013904.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng...	Viễn thông và Internet
319	1.013905.H24	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng...	Viễn thông và Internet
320	1.013906.H24	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng...	Viễn thông và Internet
321	1.013907.H24	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng...	Viễn thông và Internet
322	1.013893.H24	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học cấp III do bị hỏng/mất	Y tế Dự phòng
323	1.013884.H24	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học cấp III do hết hạn	Y tế Dự phòng
324	1.013865.H24	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên cơ sở	Y tế Dự phòng
325	1.013894.H24	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	Y tế Dự phòng
326	1.013869.H24	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Y tế Dự phòng
327	1.013890.H24	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	Y tế Dự phòng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
328	1.013870.H24	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng	Y tế Dự phòng
329	1.013891.H24	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm...	Y tế Dự phòng
330	1.013895.H24	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất...	Y tế Dự phòng
331	1.013887.H24	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành	Y tế Dự phòng
332	1.013868.H24	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng, phương pháp sử dụng...	Y tế Dự phòng
333	1.013867.H24	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ đơn vị đăng ký/sản xuất	Y tế Dự phòng
334	1.013866.H24	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn	Y tế Dự phòng
335	1.013879.H24	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm HIV dương tính	Y tế Dự phòng
336	1.013734.H24	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Quản lý lao động ngoài nước
337	1.013951.H24	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ...	An toàn bức xạ và hạt nhân
338	1.013916.H24	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
339	1.013919.H24	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
340	1.013924.H24	Ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
341	1.013971.H24	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn...	An toàn bức xạ và hạt nhân
342	1.013948.H24	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính, PET/CT, SPECT/CT...	An toàn bức xạ và hạt nhân
343	3.000463.H24	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
344	3.000453.H24	Cấp đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
345	3.000454.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
346	1.013922.H24	Thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
347	3.000452.H24	Chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
348	3.000451.H24	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
349	3.000456.H24	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
350	3.000458.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
351	3.000462.H24	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
352	1.013927.H24	Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
353	3.000455.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
354	3.000457.H24	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
355	3.000460.H24	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
356	3.000450.H24	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
357	3.000459.H24	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
358	3.000464.H24	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
359	1.013913.H24	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet
360	1.013941.H24	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam	Hoạt động khoa học và công nghệ
361	1.013917.H24	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet
362	1.013976.H24	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất	Viễn thông và Internet
363	1.013938.H24	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ
364	1.013912.H24	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet
365	1.013920.H24	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ
366	1.013926.H24	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ
367	1.013915.H24	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet
368	1.013914.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet
369	1.013897.H24	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, điện toán đám mây, email, thư thoại, fax giá trị gia tăng	Viễn thông và Internet
370	3.000461.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
371	1.013918.H24	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
372	1.013961.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ
373	1.013969.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân	Hoạt động khoa học và công nghệ
374	1.013964.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức	Hoạt động khoa học và công nghệ
375	1.013960.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	Hoạt động khoa học và công nghệ
376	1.013957.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	Hoạt động khoa học và công nghệ
377	1.013936.H24	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
378	1.013943.H24	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
379	1.008924.000.00.00.H24	Bỏ nhiệm lại Thừa phát lại	Thừa phát lại
380	1.013958.H24	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
381	1.013972.H24	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
382	1.013966.H24	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng/phó bản văn bằng bảo hộ	Sở hữu trí tuệ
383	1.013956.H24	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
384	1.008922.000.00.00.H24	Bỏ nhiệm Thừa phát lại	Thừa phát lại
385	1.013955.H24	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
386	1.013963.H24	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
387	1.013968.H24	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
388	1.008923.000.00.00.H24	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	Thừa phát lại
389	1.013925.H24	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
390	1.013928.H24	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
391	1.013970.H24	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
392	1.013931.H24	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
393	1.013939.H24	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
394	1.013973.H24	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Sở hữu trí tuệ
395	1.013933.H24	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
396	1.012471.000.00.00.H24	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ cấp tỉnh	Nghề thủ công mỹ nghệ
397	1.013940.H24	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
398	1.013959.H24	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
399	1.013944.H24	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	Hoạt động khoa học và công nghệ
400	1.013954.H24	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
401	1.013942.H24	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ
402	1.013974.H24	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Sở hữu trí tuệ

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
403	2.001130.H24	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên...	Quản tài viên
404	1.013856.H24	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước 01/7/2025	Công chứng
405	1.013816.H24	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng
406	1.013806.H24	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng
407	1.013840.H24	Đăng ký hoạt động văn phòng công chứng nộp thuế	Công chứng
408	1.013807.H24	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng
409	1.013808.H24	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự	Công chứng
410	1.013818.H24	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng
411	1.013805.H24	Miễn nhiệm công chứng viên	Công chứng
412	1.013834.H24	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng
413	1.013836.H24	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng
414	1.013853.H24	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng
415	1.000828.H24	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư (đạt yêu cầu kiểm tra tập sự)	Luật sư
416	1.000688.H24	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư (miễn đào tạo, miễn tập sự)	Luật sư
417	1.000802.H24	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Bán đấu giá tài sản
418	1.003915.H24	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Bán đấu giá tài sản
419	1.008921.H24	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	Thừa phát lại
420	1.008628.H24	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư (mất, rách, cháy...)	Luật sư
421	1.008624.H24	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư (bị thu hồi theo luật)	Luật sư
422	1.001928.H24	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư
423	1.008614.H24	Thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư	Luật sư
424	1.008885.H24	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài	Trọng tài thương mại
425	1.008888.H24	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, VPĐD	Trọng tài thương mại

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
426	1.008887.H24	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài	Trọng tài thương mại
427	1.008885.H24	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại
428	2.000822.H24	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại
429	1.001609.H24	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài	Trọng tài thương mại
430	2.000819.H24	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại
431	1.013937.H24	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt	Văn thư – Lưu trữ
432	1.013832.H24	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Công chứng
433	1.013848.H24	Thay đổi ĐK hoạt động Văn phòng công chứng (nhận chuyển nhượng vốn)	Công chứng
434	1.013843.H24	Sáp nhập Văn phòng công chứng	Công chứng
435	1.013846.H24	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp Văn phòng công chứng	Công chứng
436	1.013849.H24	Chuyển đổi Văn phòng công chứng sang loại hình công ty hợp danh	Công chứng
437	1.013852.H24	Bán Văn phòng công chứng	Công chứng
438	1.013837.H24	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng	Công chứng
439	1.013830.H24	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng
440	1.013859.H24	Cấp Thẻ công chứng viên	Công chứng
441	3.000444.H24	Công nhận hoàn thành tập sự nam/nữ công chứng	Công chứng
442	1.013835.H24	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng
443	1.013839.H24	Hợp nhất Văn phòng công chứng	Công chứng
444	1.013842.H24	Sáp nhập Văn phòng công chứng	Công chứng
445	1.013812.H24	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (khác tỉnh)	Công chứng
446	1.013810.H24	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng (cùng tỉnh)	Công chứng
447	1.004734.H24	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y
448	3.000129.H24	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Chăn nuôi
449	1.013993.H24	Đăng ký, cấp GCN đối với hộ gia đình/cá nhân sử dụng đất không đúng mục đích trước 1/7/2014	Đất đai

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
450	1.013995.H24	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	Đất đai
451	1.013799.H24	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	Tài nguyên nước
452	1.004756.H24	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Thú y
453	1.002409.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y
454	1.008122.H24	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi
455	1.012498.H24	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	Tài nguyên nước
456	3.000127.H24	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Chăn nuôi
457	1.013988.H24	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai
458	1.002681.H24	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	Quản tài viên
459	2.002726.H24	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt nam
460	2.002727.H24	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt nam
461	2.002756.H24	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
462	3.000412.H24	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giám nghèo
463	1.012222.H24	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
464	1.012223.H24	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Công tác dân tộc
465	1.013644.H24	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai
466	1.002211.H24	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật
467	2.000950.H24	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật
468	2.002772.H24	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
469	2.002774.H24	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
470	1.013700.H24	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành
471	1.013701.H24	Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành
472	1.013698.H24	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành
473	1.013699.H24	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành
474	2.002773.H24	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
475	1.013792.H24	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
476	1.013795.H24	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
477	1.013794.H24	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
478	2.001117.H24	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Quản tài viên
479	1.013793.H24	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
480	1.013791.H24	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa
481	1.005464.H24	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
482	3.000024.H24	Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
483	1.013892.H24	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế Dự phòng
484	1.013783.H24	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
485	1.013767.H24	Giai thế, chấm dứt cơ sở giao dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
486	1.013781.H24	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
487	1.013782.H24	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
488	1.013784.H24	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
489	1.013874.H24	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế Dự phòng
490	2.002795.H24	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ
491	1.013804.H24	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng
492	2.002794.H24	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	Hoạt động khoa học và công nghệ
493	1.004546.H24	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
494	1.013878.H24	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	Y tế Dự phòng
495	2.001236.H24	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
496	1.003395.H24	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
497	1.008125.H24	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi
498	1.011032.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi
499	1.002432.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
500	3.000128.H24	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Chăn nuôi
501	1.002549.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm vắc xin)	Thú y
502	1.013889.H24	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Y tế Dự phòng
503	1.013946.H24	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai
504	1.013992.H24	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai
505	1.013833.H24	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Đất đai

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
506	1.013980.H24	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Đất đai
507	1.013831.H24	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
508	1.013977.H24	Đăng ký biên động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Đất đai
509	1.013962.H24	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai
510	1.013949.H24	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai
511	1.013828.H24	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	Đất đai

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
512	1.013823.H24	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai
513	1.013952.H24	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Đất đai
514	1.013789.H24	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Báo chí
515	1.013826.H24	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Đất đai
516	1.003198.H24	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi
517	1.013827.H24	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai
518	1.013953.H24	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai
519	1.013872.H24	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế Dự phòng
520	1.013950.H24	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
521	1.013825.H24	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai
522	1.013803.H24	Bổ nhiệm công chứng viên	Công chứng
523	1.013845.H24	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	Dân số - Sức khỏe sinh sản
524	1.013900.H24	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet
525	1.013901.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet
526	1.013908.H24	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet
527	1.013910.H24	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet
528	2.002790.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện
529	1.013824.H24	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học
530	1.013903.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
531	2.002779.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện
532	2.002793.H24	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện
533	2.002792.H24	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Tần số vô tuyến điện
534	1.013935.H24	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện
535	2.002784.H24	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện
536	2.002789.H24	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện
537	2.002782.H24	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện
538	2.002791.H24	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Tần số vô tuyến điện
539	2.002781.H24	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện
540	2.002777.H24	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện
541	2.002788.H24	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện
542	2.002778.H24	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện
543	2.002787.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện
544	1.003888.000.00.00.H24	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Thông tin đối ngoại
545	2.001175.000.00.00.H24	Cho phép hợp báo nước ngoài (địa phương)	Báo chí
546	1.004237.000.00.00.H24	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	Tổng hợp
547	1.000705.000.00.00.H24	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
548	1.011516.000.00.00.H24	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
549	1.012972.H24	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác
550	1.012971.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác
551	1.012955.H24	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học
552	1.012956.H24	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Giáo dục trung học
553	1.012967.H24	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học
554	1.012964.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học
555	1.012968.H24	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục trung học
556	1.012954.H24	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học
557	1.012953.H24	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học
558	1.012965.H24	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học
559	1.012966.H24	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học
560	1.012963.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
561	3.000308.H24	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên
562	3.000307.H24	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên
563	1.012969.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên
564	3.000317.H24	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên
565	3.000316.H24	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên
566	1.012988.H24	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên
567	1.012961.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non
568	1.012962.H24	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non
569	1.012567.H24	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý
570	1.003005.H24	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi
571	1.013035.H24	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	Y tế Dự phòng
572	1.013034.H24	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Y tế Dự phòng
573	1.012735.H24	Hiệp thương giá	Quản lý giá

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
574	1.012568.H24	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý
575	1.012569.H24	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý
576	1.012944.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học
577	1.012975.H24	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác
578	3.000304.H24	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo dục khác
579	1.012958.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác
580	3.000300.H24	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác
581	3.000305.H24	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác
582	1.012959.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác
583	3.000299.H24	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác
584	3.000301.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo dục khác

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
585	3.000306.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	Các cơ sở giáo dục khác
586	3.000303.H24	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác
587	3.000297.H24	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác
588	1.012960.H24	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác
589	3.000298.H24	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác
590	3.000309.H24	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác
591	1.012821.H24	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai
592	1.006871.H24	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Vật liệu xây dựng
593	1.012805.000.00.00.H24	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Đất đai
594	1.012921.H24	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Lâm nghiệp
595	2.002724.H24	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ
596	2.002723.H24	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ
597	2.002722.H24	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
598	2.002711.H24	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ
599	2.002710.H24	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ
600	1.011671.H24	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý
601	1.013635.H24	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Bán đấu giá tài sản
602	2.001225.H24	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	Bán đấu giá tài sản
603	1.013634.H24	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Bán đấu giá tài sản
604	1.001396.H24	Cung cấp thuốc phóng xạ	Dược phẩm
605	1.009669.000.00.00.H24	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
606	1.004508.H24	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
607	1.002001.H24	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
608	1.001988.H24	Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
609	1.001976.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
610	1.012504.000.00.00.H24	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước
611	1.012503.000.00.00.H24	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
612	1.012502.000.00.00.H24	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Tài nguyên nước
613	1.012501.000.00.00.H24	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước
614	1.012500.000.00.00.H24	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
615	1.000998.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
616	1.012812.000.00.00.H24	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai
617	2.002750.H24	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	Đất đai
618	2.002740.H24	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
619	2.002739.H24	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
620	2.002738.H24	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
621	1.013456.H24	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Di sản văn hóa
622	1.013058.H24	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
623	1.012835.000.00.00.H24	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Chăn nuôi

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
624	1.000965.H24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
625	1.012974.H24	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác
626	1.012973.H24	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác
627	1.012970.H24	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên
628	1.012922.H24	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Lâm nghiệp
629	1.012505.000.00.00.H24	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tài nguyên nước
630	2.002725.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt nam
631	2.002728.H24	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế
632	2.002731.H24	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế
633	2.002729.H24	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
634	2.002732.H24	Thủ tục Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế
635	1.010728.000.00.00.H24	Cấp đổi gray phép môi trường (cấp 1 lần)	Môi trường
636	1.013395.H24	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực
637	1.013394.H24	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực
638	1.013419.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung gray phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện
639	1.013421.H24	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện
640	1.013417.H24	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Điện
641	1.013418.H24	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện
642	1.013420.H24	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện
643	1.013416.H24	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện
644	1.013412.H24	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện
645	1.013411.H24	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện
646	1.013401.H24	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện
647	3.000322.H24	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch
648	3.000323.H24	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch
649	1.009386.000.00.00.H24	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí
650	2.002676.H24	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực
651	1.013005.H24	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
652	1.013004.H24	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực
653	1.012791.000.00.00.H24	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai
654	1.009249.H24	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Thi đua, khen thưởng
655	1.004062.H24	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế Dự phòng
656	1.004070.H24	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế Dự phòng
657	1.001114.H24	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Y tế Dự phòng
658	1.001178.H24	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Y tế Dự phòng
659	1.001189.H24	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Y tế Dự phòng
660	1.002564.H24	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế Dự phòng
661	1.013036.H24	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiệm các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Y tế Dự phòng
662	1.013037.H24	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Y tế Dự phòng
663	3.000315.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
664	1.013231.H24	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng
665	1.013230.H24	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng
666	1.013238.H24	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng
667	1.013236.H24	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng
668	1.013234.H24	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Hoạt động xây dựng
669	1.013239.H24	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng
670	1.013233.H24	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
671	1.013235.H24	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng
672	1.012753.000.00.00.H24	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai
673	1.012785.000.00.00.H24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai
674	1.012790.000.00.00.H24	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai
675	1.012756.000.00.00.H24	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai
676	1.012783.000.00.00.H24	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai
677	1.012766.000.00.00.H24	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Đất đai
678	1.012793.000.00.00.H24	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Đất đai
679	1.012781.000.00.00.H24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai
680	1.012782.000.00.00.H24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai
681	1.012780.000.00.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai
682	1.011445.H24	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm
683	1.012784.000.00.00.H24	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
684	1.012789.000.00.00.H24	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	Đất đai
685	1.012787.000.00.00.H24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Đất đai
686	3.000291.H24	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Quản lý công sản
687	3.000302.H24	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác
688	1.012993.H24	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Bảo trợ xã hội
689	1.012990.H24	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	Bảo trợ xã hội
690	1.012796.000.00.00.H24	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai
691	1.012817.H24	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai
692	1.012833.000.00.00.H24	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi
693	1.012834.000.00.00.H24	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi
694	1.012832.000.00.00.H24	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi
695	1.012836.000.00.00.H24	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
696	1.012837.000.00.00.H2 4	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi
697	1.009374.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí
698	1.012694.000.00.00.H2 4	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm
699	1.012695.000.00.00.H2 4	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm
700	1.012692.000.00.00.H2 4	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Kiểm lâm
701	1.012691.000.00.00.H2 4	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm
702	1.012690.000.00.00.H2 4	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Kiểm lâm
703	1.012689.000.00.00.H2 4	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Kiểm lâm
704	1.012687.000.00.00.H2 4	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp
705	1.012531.000.00.00.H2 4	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp
706	1.011938.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Sở hữu trí tuệ
707	1.011937.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Sở hữu trí tuệ
708	1.011939.000.00.00.H2 4	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Sở hữu trí tuệ
709	1.008675.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	Môi trường
710	1.008682.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Môi trường
711	1.003596.000.00.00.H2 4	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp
712	1.003618.000.00.00.H2 4	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Nông nghiệp

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
713	1.005181.000.00.00.H2 4	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
714	1.002407.000.00.00.H2 4	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
715	2.002080.000.00.00.H2 4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật
716	2.000930.000.00.00.H2 4	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật
717	2.002165.000.00.00.H2 4	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước
718	2.002193.000.00.00.H2 4	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước
719	2.002314.000.00.00.H2 4	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế
720	2.002313.000.00.00.H2 4	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế
721	2.002311.000.00.00.H2 4	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế
722	1.012091.000.00.00.H2 4	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc	Trẻ em
723	1.012261.000.00.00.H2 4	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Kham bệnh, chữa bệnh
724	2.001215.000.00.00.H2 4	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Đường thủy nội địa
725	2.001214.000.00.00.H2 4	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa
726	1.012262.000.00.00.H2 4	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	Kham bệnh, chữa bệnh
727	2.001211.000.00.00.H2 4	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
728	3.000259.000.00.00.H2 4	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Hoạt động khoa học và công nghệ
729	1.012085.000.00.00.H2 4	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình
730	1.012084.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình
731	2.002620.000.00.00.H2 4	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
732	1.012427.000.00.00.H2 4	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cụm Công nghiệp
733	1.005400.000.00.00.H2 4	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
734	2.002605.000.00.00.H2 4	Sửa đổi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại
735	2.000166.000.00.00.H2 4	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí
736	2.002607.000.00.00.H2 4	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại
737	2.000390.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí
738	1.000481.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí
739	3.000242.000.00.00.H2 4	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	Quản lý xuất nhập cảnh
740	1.012417.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	Y Dược cổ truyền
741	2.002606.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại
742	2.000156.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí
743	2.000279.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
744	2.001212.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Đường thủy nội địa
745	1.012416.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Y Dược cổ truyền
746	1.010696.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	Lưu thông hàng hóa trong nước
747	2.002604.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại
748	2.000354.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí
749	2.002096.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	Công nghiệp địa phương
750	2.002603.000.00.00.H2 4	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Cấp tỉnh)	Đấu thầu
751	2.002608.000.00.00.H2 4	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại
752	3.000250.000.00.00.H2 4	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp
753	2.002593.000.00.00.H2 4	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
754	1.008377.000.00.00.H2 4	Thu tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ
755	1.011442.000.00.00.H2 4	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
756	1.012415.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Y Dược cổ truyền
757	1.011647.000.00.00.H2 4	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Khoa học, Công nghệ và Môi trường
758	1.012074.000.00.00.H2 4	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Trồng trọt
759	1.011999.000.00.00.H2 4	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt
760	1.012075.000.00.00.H2 4	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Trồng trọt
761	1.012000.000.00.00.H2 4	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt
762	1.012004.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
763	1.012003.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
764	1.012001.000.00.00.H2 4	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
765	1.000071.000.00.00.H2 4	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp
766	1.012002.000.00.00.H2 4	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt
767	1.012281.000.00.00.H2 4	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Khám bệnh, chữa bệnh
768	1.004094.000.00.00.H2 4	Công bố mở cảng cá loại 2	Thủy sản
769	1.012273.000.00.00.H2 4	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh
770	1.012276.000.00.00.H2 4	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
771	1.012272.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh
772	1.012271.000.00.00.H2 4	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh
773	1.012280.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh
774	1.012260.000.00.00.H2 4	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh
775	1.012258.000.00.00.H2 4	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh
776	1.012419.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y Dược cổ truyền
777	1.012418.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Y Dược cổ truyền
778	1.012257.000.00.00.H2 4	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Khám bệnh, chữa bệnh
779	1.012291.000.00.00.H2 4	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh
780	1.012292.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
781	1.012290.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01/01/2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh
782	1.012289.000.00.00.H2 4	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01/01/2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh
783	1.012279.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh
784	1.012278.000.00.00.H2 4	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh
785	1.012275.000.00.00.H2 4	Đăng ký hành nghề	Khám bệnh, chữa bệnh
786	1.012256.000.00.00.H2 4	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Khám bệnh, chữa bệnh
787	1.008410.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Quản lý Điều và Phòng, chống thiên tai
788	1.008409.000.00.00.H2 4	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Quản lý Điều và Phòng, chống thiên tai
789	1.008408.000.00.00.H2 4	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quản lý Điều và Phòng, chống thiên tai
790	1.010902.000.00.00.H2 4	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp Tỉnh)	Bưu chính
791	1.012082.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
792	1.012081.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình
793	1.012080.000.00.00.H2 4	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình
794	1.001091.000.00.00.H2 4	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế
795	1.001082.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế
796	1.006412.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế
797	1.012353.000.00.00.H2 4	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ
798	1.012413.000.00.00.H2 4	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Kiểm lâm
799	2.002548.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ
800	2.002546.000.00.00.H2 4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ
801	2.002502.H24	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ
802	1.008916.000.00.00.H2 4	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
803	1.008915.000.00.00.H24	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	Hòa giải thương mại
804	1.008914.000.00.00.H24	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại
805	1.009284.000.00.00.H24	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc (cấp tỉnh)	Hòa giải thương mại
806	1.008906.000.00.00.H24	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại
807	1.008905.H24	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trọng tài thương mại
808	1.008904.000.00.00.H24	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
809	1.008890.000.00.00.H24	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại
810	1.008889.000.00.00.H24	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại
811	1.008937.000.00.00.H24	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
812	1.008935.000.00.00.H24	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
813	1.008931.000.00.00.H24	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
814	1.008930.000.00.00.H24	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
815	1.008928.000.00.00.H24	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại
816	1.011816.000.00.00.H24	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Hoạt động khoa học và công nghệ
817	1.011815.000.00.00.H24	(Cấp tỉnh) Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Hoạt động khoa học và công nghệ
818	1.011814.000.00.00.H24	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Hoạt động khoa học và công nghệ
819	2.002544.000.00.00.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ
820	1.008927.000.00.00.H24	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại
821	1.008926.000.00.00.H24	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại
822	1.008925.000.00.00.H24	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại
823	1.008727.H24	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên
824	2.002253.H24	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
825	2.000331.000.00.00.H24	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Công nghiệp địa phương
826	1.008725.000.00.00.H24	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
827	1.008724.000.00.00.H24	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
828	1.010091.000.00.00.H24	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Điều trị và Phòng, chống thiên tai
829	1.010092.000.00.00.H24	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Điều trị và Phòng, chống thiên tai
830	1.011606.H24	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Bảo trợ xã hội
831	1.006446.000.00.00.H24	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
832	1.009794.000.00.00.H24	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
833	1.005401.000.00.00.H24	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
834	1.011819.000.00.00.H24	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ
835	1.001022.000.00.00.H24	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch
836	1.000030.000.00.00.H24	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch
837	1.011609.H24	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Bảo trợ xã hội
838	1.011608.H24	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội
839	1.011607.H24	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
840	1.011441.000.00.00.H2 4	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm
841	1.011444.000.00.00.H2 4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đất đai
842	2.002249.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ
843	1.011812.000.00.00.H2 4	(Cấp tỉnh) Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Hoạt động khoa học và công nghệ
844	2.001098.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp(địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
845	2.001737.000.00.00.H2 4	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
846	2.001584.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
847	2.001594.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
848	1.004379.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Bưu chính
849	1.005055.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	Bưu chính
850	1.003483.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
851	1.003868.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
852	2.001744.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
853	1.005087.000.00.00.H2 4	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	Bưu chính

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
854	1.011443.000.00.00.H24	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm
855	2.002278.H24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ
856	2.002312.000.00.00.H24	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế
857	1.001495.000.00.00.H24	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
858	1.000718.000.00.00.H24	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
859	2.002379.000.00.00.H24	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	An toàn bức xạ và hạt nhân
860	2.002384.000.00.00.H24	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân
861	1.006780.000.00.00.H24	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	An toàn bức xạ và hạt nhân
862	2.002383.000.00.00.H24	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân
863	1.001496.000.00.00.H24	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
864	1.001497.000.00.00.H24	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
865	2.002382.000.00.00.H24	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân
866	1.001499.000.00.00.H24	Phê duyệt liên kết giáo dục	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
867	2.001716.000.00.00.H24	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại
868	2.002381.000.00.00.H24	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân
869	2.002380.000.00.00.H24	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân
870	1.008913.000.00.00.H24	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	Hòa giải thương mại
871	1.008709.H24	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư
872	1.008723.000.00.00.H24	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
873	1.009407.H24	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Y Dược cổ truyền
874	1.008722.000.00.00.H24	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
875	2.002385.000.00.00.H24	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân
876	2.002349.H24	Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
877	1.001216.H24	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp
878	1.009832.000.00.00.H24	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp
879	1.008936.000.00.00.H24	Chuyển nhượng Văn phòng thừa phát lại	Thừa phát lại
880	1.008934.000.00.00.H24	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
881	1.008932.000.00.00.H24	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
882	2.000477.000.00.00.H24	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Bảo trợ xã hội
883	1.008929.000.00.00.H24	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại
884	1.004944.000.00.00.H24	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em
885	2.002363.H24	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi
886	1.001653.000.00.00.H24	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội
887	1.000530.000.00.00.H24	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp
888	2.001987.000.00.00.H24	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Các cơ sở giáo dục khác
889	1.000091.000.00.00.H24	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
890	2.000131.000.00.00.H24	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại
891	2.000110.000.00.00.H24	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại
892	2.002139.000.00.00.H24	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	Bán đấu giá tài sản
893	2.000631.000.00.00.H24	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp
894	2.000002.000.00.00.H24	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại
895	2.001955.000.00.00.H24	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
896	1.004941.000.00.00.H2 4	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em
897	2.001255.000.00.00.H2 4	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi
898	1.003179.000.00.00.H2 4	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi
899	1.003401.000.00.00.H2 4	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch
900	1.011820.000.00.00.H2 4	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ
901	1.011818.000.00.00.H2 4	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ
902	1.001662.000.00.00.H2 4	Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp huyện)	Tài nguyên nước
903	2.000191.000.00.00.H2 4	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Quản lý Cạnh tranh
904	1.001842.000.00.00.H2 4	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên
905	1.002626.000.00.00.H2 4	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên
906	1.002155.000.00.00.H2 4	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư
907	2.000355.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội
908	2.000823.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
909	2.000004.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại
910	1.002010.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư
911	2.001395.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Bán đấu giá tài sản
912	1.002398.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư
913	1.002181.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
914	1.002099.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư
915	1.002384.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư
916	1.001492.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
917	1.000627.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật
918	2.001247.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Bán đấu giá tài sản
919	1.000614.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật
920	2.000309.000.00.00.H2 4	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý Cạnh tranh
921	1.005190.000.00.00.H2 4	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại
922	1.009478.000.00.00.H2 4	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	Khoa học, Công nghệ và Môi trường
923	2.002144.000.00.00.H2 4	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Hoạt động khoa học và công nghệ
924	2.000334.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	Thương mại quốc tế
925	2.000322.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	Thương mại quốc tế
926	2.002166.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	Thương mại quốc tế
927	2.000339.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
928	1.004283.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước
929	2.000347.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
930	2.000330.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại quốc tế
931	1.003073.000.00.00.H2 4	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm
932	1.000729.000.00.00.H2 4	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
933	1.003081.000.00.00.H2 4	Xóa đăng ký tàu cá	Thủy sản
934	1.001699.000.00.00.H2 4	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội
935	1.001386.000.00.00.H2 4	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Y tế Dự phòng
936	2.001740.000.00.00.H2 4	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
937	2.002310.000.00.00.H2 4	Xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch
938	1.007933.000.00.00.H2 4	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Bảo vệ thực vật
939	1.004656.000.00.00.H2 4	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thủy sản
940	1.004680.000.00.00.H2 4	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản
941	3.000139.000.00.00.H2 4	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Lâm nghiệp
942	1.000043.000.00.00.H2 4	Xác nhận bảng kê lâm sản	Lâm nghiệp
943	1.004082.000.00.00.H2 4	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Môi trường
944	1.001088.000.00.00.H2 4	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Giáo dục trung học

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
945	2.001770.000.00.00.H2 4	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Tài nguyên nước
946	1.005399.000.00.00.H2 4	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
947	1.011518.000.00.00.H2 4	Trả lại giấy phép tài nguyên nước (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
948	1.000942.000.00.00.H2 4	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
949	2.000282.000.00.00.H2 4	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Bảo trợ xã hội
950	2.000286.000.00.00.H2 4	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội
951	2.002480.000.00.00.H2 4	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	Giáo dục trung học
952	2.002479.000.00.00.H2 4	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	Giáo dục trung học
953	2.002482.000.00.00.H2 4	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học
954	1.001776.000.00.00.H2 4	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội
955	1.009773.000.00.00.H2 4	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt nam
956	1.005070.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Văn hóa
957	2.000596.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
958	2.001269.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
959	2.000779.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch
960	2.000497.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch
961	2.000522.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch
962	1.004884.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch
963	1.001700.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch
964	1.001695.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch
965	1.000089.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch
966	1.000893.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
967	2.000528.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch
968	1.004772.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch
969	1.001195.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch
970	1.001009.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch
971	1.004857.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch
972	2.001631.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa
973	2.001277.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
974	2.001207.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
975	2.001209.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
976	2.000756.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch
977	1.004845.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch
978	1.001782.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thể dục thể thao
979	1.002013.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Thể dục thể thao
980	1.002022.000.00.00.H2 4	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Thể dục thể thao
981	1.000449.000.00.00.H2 4	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
982	1.009760.000.00.00.H2 4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
983	1.009759.000.00.00.H2 4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc tham quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam
984	1.001108.000.00.00.H2 4	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua – Khen thưởng
985	1.001376.000.00.00.H2 4	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua – Khen thưởng
986	1.000971.000.00.00.H2 4	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua – Khen thưởng
987	1.001032.000.00.00.H2 4	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua – Khen thưởng
988	1.000564.000.00.00.H2 4	Thủ tục xét tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật	Thi đua – Khen thưởng
989	1.000871.000.00.00.H2 4	Thủ tục xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật	Thi đua – Khen thưởng
990	2.001613.000.00.00.H2 4	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa
991	2.001683.000.00.00.H2 4	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác thanh niên
992	2.001179.000.00.00.H2 4	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
993	1.003560.000.00.00.H2 4	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa
994	1.009398.000.00.00.H2 4	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn
995	1.009399.000.00.00.H2 4	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
996	1.009397.000.00.00.H2 4	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn
997	2.002058.000.00.00.H2 4	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch
998	1.001833.000.00.00.H2 4	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
999	1.004650.000.00.00.H2 4	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Quảng cáo
1000	1.009775.000.00.00.H2 4	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)	Đầu tư tại Việt nam
1001	1.004645.000.00.00.H2 4	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Quảng cáo
1002	1.005022.000.00.00.H2 4	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa
1003	1.005034.000.00.00.H2 4	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Văn hóa
1004	2.002050.000.00.00.H2 4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch
1005	1.009776.000.00.00.H2 4	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	Đầu tư tại Việt nam
1006	2.001717.000.00.00.H2 4	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	Công tác thanh niên
1007	1.003742.000.00.00.H2 4	Thủ tục thu nơi gray phép kinh doanh dịch vụ tư hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Du lịch
1008	2.001589.000.00.00.H2 4	Thủ tục thu nơi gray phép kinh doanh dịch vụ tư hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	Du lịch
1009	2.001611.000.00.00.H2 4	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Du lịch
1010	1.004859.000.00.00.H2 4	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Hộ tịch
1011	2.000748.000.00.00.H2 4	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch
1012	2.001100.000.00.00.H2 4	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1013	1.001233.000.00.00.H2 4	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1014	2.000927.000.00.00.H2 4	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực
1015	1.009403.000.00.00.H2 4	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn
1016	2.001496.000.00.00.H2 4	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa
1017	2.002039.000.00.00.H2 4	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch
1018	1.009771.000.00.00.H2 4	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam
1019	1.001392.000.00.00.H2 4	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1020	2.001259.000.00.00.H2 4	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1021	2.001643.000.00.00.H2 4	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
1022	2.001143.000.00.00.H2 4	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
1023	1.002690.000.00.00.H2 4	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
1024	2.001137.000.00.00.H2 4	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
1025	1.003999.000.00.00.H2 4	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	Công tác thanh niên
1026	1.003743.000.00.00.H2 4	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	Văn hóa

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1027	1.009770.000.00.00.H2 4	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt nam
1028	1.003002.000.00.00.H2 4	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch
1029	2.000554.000.00.00.H2 4	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch
1030	2.002189.000.00.00.H2 4	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch
1031	2.000547.000.00.00.H2 4	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch
1032	1.001432.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch
1033	2.001622.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch
1034	1.001440.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Du lịch
1035	1.004028.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch
1036	1.004023.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch
1037	2.000587.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
1038	2.001525.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
1039	1.004666.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo
1040	1.003784.000.00.00.H2 4	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Văn hóa
1041	1.003838.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Di sản văn hóa

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1042	1.004014.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Du lịch
1043	2.000518.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
1044	1.009774.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt nam
1045	2.001616.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch
1046	1.002003.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa
1047	2.001501.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1048	2.000954.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
1049	1.003240.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Du lịch
1050	1.003275.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Du lịch
1051	1.004662.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo
1052	1.003441.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Thể dục thể thao
1053	1.000983.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Thể dục thể thao
1054	2.001641.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa
1055	1.001671.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1056	1.001755.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
1057	1.001738.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
1058	1.001704.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
1059	1.001809.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
1060	1.004639.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo
1061	1.001778.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
1062	2.001628.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch
1063	2.001591.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khảo cổ	Di sản văn hóa
1064	1.003793.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa
1065	1.005162.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thể dục thể thao
1066	1.000485.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thể dục thể thao
1067	1.001213.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thể dục thể thao
1068	1.001517.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thể dục thể thao
1069	1.000904.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thể dục thể thao
1070	1.001500.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Thể dục thể thao
1071	1.001822.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1072	1.003738.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa
1073	2.000908.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực
1074	1.004875.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch
1075	2.001895.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch
1076	1.005136.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch
1077	1.001008.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa
1078	1.001029.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa
1079	1.000922.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa
1080	1.000963.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	Văn hóa
1081	1.011454.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Điện ảnh
1082	1.000883.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Thể dục thể thao
1083	1.001056.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Thể dục thể thao
1084	1.000953.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Thể dục thể thao
1085	1.000594.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	Thể dục thể thao
1086	1.000544.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Thể dục thể thao
1087	1.005163.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Thể dục thể thao
1088	1.000644.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	Thể dục thể thao
1089	1.001195.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thể dục thể thao
1090	1.000501.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Thể dục thể thao

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1091	1.000560.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Thể dục thể thao
1092	1.005357.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Thể dục thể thao
1093	1.000814.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Thể dục thể thao
1094	1.000842.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thể dục thể thao
1095	1.000936.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Thể dục thể thao
1096	1.000830.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Thể dục thể thao
1097	1.000920.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Thể dục thể thao
1098	1.001801.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Thể dục thể thao
1099	1.000518.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Thể dục thể thao
1100	1.001527.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Thể dục thể thao
1101	1.000847.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Thể dục thể thao
1102	1.000863.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	Thể dục thể thao
1103	1.002445.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Thể dục thể thao
1104	1.002396.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Thể dục thể thao
1105	1.001106.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Di sản văn hóa
1106	1.003901.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1107	1.009756.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt nam
1108	2.002248.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ
1109	1.004605.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch
1110	1.004528.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận điểm du lịch	Du lịch
1111	1.005490.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Du lịch
1112	1.004594.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	Du lịch
1113	1.004572.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch
1114	1.004503.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch
1115	1.004551.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch
1116	1.004580.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch
1117	1.001455.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch
1118	2.000794.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao
1119	1.003835.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	Di sản văn hóa
1120	1.003646.000.00.00.H2 4	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Di sản văn hóa
1121	2.000212.000.00.00.H2 4	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1122	2.001010.000.00.00.H2 4	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực
1123	2.001406.000.00.00.H2 4	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực
1124	2.001009.000.00.00.H2 4	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1125	2.000913.000.00.00.H2 4	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực
1126	2.001035.000.00.00.H2 4	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực
1127	2.001019.000.00.00.H2 4	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực
1128	2.001008.000.00.00.H2 4	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Chứng thực
1129	2.001208.000.00.00.H2 4	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
1130	1.009755.000.00.00.H2 4	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Đầu tư tại Việt nam
1131	1.009748.000.00.00.H2 4	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Đầu tư tại Việt nam
1132	2.000840.000.00.00.H2 4	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
1133	1.009777.000.00.00.H2 4	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	Đầu tư tại Việt nam
1134	1.009772.000.00.00.H2 4	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Đầu tư tại Việt nam
1135	1.001837.000.00.00.H2 4	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch
1136	2.002188.000.00.00.H2 4	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận du lịch kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Thể dục thể thao
1137	1.003232.000.00.00.H2 4	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi
1138	1.003347.000.00.00.H2 4	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	Thủy lợi
1139	1.003221.000.00.00.H2 4	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi
1140	1.003471.000.00.00.H2 4	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	Thủy lợi

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1141	1.003203.000.00.00.H2 4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi
1142	1.003440.000.00.00.H2 4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi
1143	1.003211.000.00.00.H2 4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi
1144	1.003446.000.00.00.H2 4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi
1145	2.001850.000.00.00.H2 4	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (TTHC cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
1146	1.010735.000.00.00.H2 4	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (Cấp tỉnh)	Môi trường
1147	2.000079.000.00.00.H2 4	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Hoạt động khoa học và công nghệ
1148	1.010733.000.00.00.H2 4	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh)	Môi trường
1149	1.001147.000.00.00.H2 4	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
1150	2.000609.000.00.00.H2 4	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp
1151	2.001474.000.00.00.H2 4	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại
1152	2.001944.000.00.00.H2 4	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em
1153	2.000033.000.00.00.H2 4	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại
1154	2.000619.000.00.00.H2 4	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1155	1.010596.000.00.00.H2 4	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp
1156	1.010927.000.00.00.H2 4	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn	Giáo dục nghề nghiệp
1157	1.000404.000.00.00.H2 4	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật
1158	1.003401.000.00.00.H2 4	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
1159	1.001747.000.00.00.H2 4	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ
1160	1.001677.000.00.00.H2 4	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
1161	2.000568.000.00.00.H2 4	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
1162	1.001600.000.00.00.H2 4	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên
1163	1.001633.000.00.00.H2 4	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên
1164	1.002032.000.00.00.H2 4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư
1165	2.001333.000.00.00.H2 4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Bán đấu giá tài sản
1166	1.000588.000.00.00.H2 4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật
1167	1.002198.000.00.00.H2 4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư
1168	1.002079.000.00.00.H2 4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư
1169	1.002055.000.00.00.H2 4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1170	1.010594.000.00.00.H2 4	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	Giáo dục nghề nghiệp
1171	1.010756.000.00.00.H2 4	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường
1172	1.000970.000.00.00.H2 4	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn
1173	1.004921.000.00.00.H2 4	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Thủy sản
1174	1.004498.000.00.00.H2 4	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản
1175	1.005452.000.00.00.H2 4	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1176	1.000969.000.00.00.H2 4	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
1177	1.003384.000.00.00.H2 4	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1178	1.004563.000.00.00.H2 4	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học
1179	1.006445.000.00.00.H2 4	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non
1180	1.004999.000.00.00.H2 4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác
1181	1.002254.000.00.00.H2 4	Sáp nhập công ty luật	Luật sư
1182	3.000152.000.00.00.H2 4	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Lâm nghiệp
1183	2.002191.000.00.00.H2 4	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước
1184	1.007918.000.00.00.H2 4	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Lâm nghiệp

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1185	1.007919.000.00.00.H2 4	Tham định thiết kế, dự toán hoặc tham định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư	Lâm nghiệp
1186	1.003867.000.00.00.H2 4	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	Thủy lợi
1187	2.001627.000.00.00.H2 4	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi
1188	1.000084.000.00.00.H2 4	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp
1189	1.000081.000.00.00.H2 4	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp
1190	2.001804.000.00.00.H2 4	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mọc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	Thủy lợi
1191	1.000055.000.00.00.H2 4	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp
1192	1.000047.000.00.00.H2 4	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Lâm nghiệp
1193	1.003188.000.00.00.H2 4	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi
1194	2.001947.000.00.00.H2 4	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em
1195	1.007916.000.00.00.H2 4	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp
1196	1.011470.000.00.00.H2 4	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Lâm nghiệp
1197	1.011471.000.00.00.H2 4	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp
1198	3.000100.000.00.00.H2 4	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	Lâm nghiệp

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1199	1.000058.000.00.00.H2 4	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp
1200	2.000894.000.00.00.H2 4	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp
1201	1.003486.000.00.00.H2 4	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1202	1.003524.000.00.00.H2 4	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1203	2.000134.000.00.00.H2 4	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	An toàn, vệ sinh lao động
1204	1.002218.000.00.00.H2 4	Hợp nhất công ty luật	Luật sư
1205	1.008951.000.00.00.H2 4	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1206	2.001621.000.00.00.H2 4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi
1207	1.004056.000.00.00.H2 4	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Thủy sản
1208	2.001661.000.00.00.H2 4	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
1209	1.002982.000.00.00.H2 4	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1210	1.003397.000.00.00.H2 4	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1211	1.003434.000.00.00.H2 4	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1212	1.001731.000.00.00.H2 4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội
1213	1.004991.000.00.00.H2 4	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác
1214	1.000553.000.00.00.H2 4	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp
1215	1.001639.000.00.00.H2 4	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học
1216	1.000716.000.00.00.H2 4	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
1217	2.002192.000.00.00.H2 4	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước
1218	1.004167.000.00.00.H2 4	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1219	1.004211.000.00.00.H2 4	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước
1220	1.004228.000.00.00.H2 4	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước
1221	2.001738.000.00.00.H2 4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước
1222	1.005450.000.00.00.H2 4	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn, vệ sinh lao động
1223	1.004935.000.00.00.H2 4	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
1224	2.001091.000.00.00.H2 4	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1225	2.000327.000.00.00.H2 4	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
1226	2.000472.000.00.00.H2 4	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
1227	1.001441.000.00.00.H2 4	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế
1228	1.000049.000.00.00.H2 4	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1229	2.001064.000.00.00.H2 4	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Thú y
1230	1.004692.000.00.00.H2 4	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Thủy sản
1231	1.004699.000.00.00.H2 4	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản
1232	1.004697.000.00.00.H2 4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Thủy sản
1233	1.004918.000.00.00.H2 4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Thủy sản
1234	1.004915.000.00.00.H2 4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản
1235	1.003666.000.00.00.H2 4	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Thủy sản
1236	1.003729.000.00.00.H2 4	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
1237	2.001838.000.00.00.H2 4	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1238	2.001172.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất
1239	2.000652.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất
1240	2.000175.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh khí

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1241	2.000180.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
1242	2.000201.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh khí
1243	2.000371.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
1244	2.000211.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
1245	2.000078.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh khí
1246	2.001261.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí
1247	1.011508.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất
1248	1.004470.000.00.00.H2 4	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	Bưu chính
1249	1.004344.000.00.00.H2 4	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản
1250	1.000426.000.00.00.H2 4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật
1251	2.000046.000.00.00.H2 4	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	Khoa học, công nghệ
1252	2.000669.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước
1253	2.000666.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước
1254	2.000629.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước
1255	2.001636.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Lưu thông hàng hóa trong nước
1256	2.000204.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1257	2.000162.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
1258	2.000615.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước
1259	2.000176.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
1260	2.001619.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước
1261	2.000197.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
1262	2.000645.000.00.00.H2 4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước
1263	1.002600.000.00.00.H2 4	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm
1264	2.000890.000.00.00.H2 4	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
1265	1.004684.000.00.00.H2 4	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	Thủy sản
1266	1.005449.000.00.00.H2 4	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện)	An toàn, vệ sinh lao động
1267	1.005442.000.00.00.H2 4	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Bưu chính
1268	1.000390.000.00.00.H2 4	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1269	1.008201.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
1270	1.000793.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực	Mỹ phẩm
1271	1.000990.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ phẩm
1272	1.000662.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ phẩm
1273	1.000824.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (TTHC cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
1274	2.001087.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1275	2.000444.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
1276	1.004253.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước
1277	1.000943.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn
1278	1.003893.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi
1279	1.003921.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố	Thủy lợi
1280	2.001175.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất
1281	2.001161.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất
1282	1.001123.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Di sản văn hóa

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1283	1.003634.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản
1284	2.001258.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản	Bán đấu giá tài sản
1285	1.002368.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư
1286	2.000555.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh	Giám định tư pháp
1287	1.001117.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp
1288	1.001248.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
1289	2.000672.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước
1290	2.000664.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước
1291	1.001191.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
1292	1.001182.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
1293	2.000027.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
1294	2.000450.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
1295	2.001433.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
1296	1.001279.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy	Lưu thông hàng hóa trong nước

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1297	2.001630.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Lưu thông hàng hóa trong nước
1298	2.000622.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
1299	2.000665.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế
1300	2.000340.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại quốc tế
1301	2.000552.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	Kiểm bệnh, chữa bệnh
1302	2.000150.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
1303	2.000167.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
1304	2.000636.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước
1305	2.000640.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
1306	2.000187.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh khí
1307	1.000425.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
1308	2.000207.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh khí
1309	2.000376.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
1310	1.000444.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
1311	2.000136.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh khí
1312	1.008127.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Chăn nuôi

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1313	1.003064.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm
1314	2.001270.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí
1315	1.008129.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi
1316	1.004839.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y
1317	1.004346.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật
1318	1.007932.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Bảo vệ thực vật
1319	2.000535.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm
1320	1.001770.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
1321	1.011479.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	Thú y
1322	2.000210.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
1323	2.000172.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
1324	1.001693.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
1325	2.000647.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước
1326	1.011477.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	Thú y
1327	2.001240.000.00.00.H2 4	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu do trường hợp bị mất, tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần bị rách, nát, bị cháy	Lưu thông hàng hóa trong nước

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1328	1.005319.000.00.00.H2 4	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	Thú y
1329	1.011507.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất
1330	1.001714.000.00.00.H2 4	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo
1331	1.003114.000.00.00.H2 4	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
1332	1.004022.000.00.00.H2 4	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y
1333	1.002485.000.00.00.H2 4	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Mỹ phẩm
1334	1.003593.000.00.00.H2 4	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Thủy sản
1335	1.004232.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước
1336	2.001795.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi
1337	2.001791.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi
1338	1.003725.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
1339	1.005189.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo
1340	1.000774.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại quốc tế
1341	2.000272.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế
1342	1.004179.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước
1343	1.004223.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước
1344	2.001564.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1345	1.004122.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước
1346	1.004153.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành
1347	1.000987.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn
1348	2.001796.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi
1349	2.001793.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	Thủy lợi
1350	1.004385.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi
1351	1.004427.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi
1352	1.005059.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép buru chính (cấp tỉnh)	Buru chính
1353	1.011506.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất
1354	2.001547.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất
1355	1.002758.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất
1356	1.005580.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Thủy sản
1357	1.005050.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản
1358	1.005061.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1359	1.000167.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp
1360	2.000189.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp
1361	1.000389.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp
1362	2.001241.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1363	1.004913.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Thủy sản
1364	1.000259.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Kiểm định chất lượng giáo dục
1365	1.005565.000.00.00.H2 4	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Thủy sản
1366	2.001426.000.00.00.H2 4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi
1367	2.001401.000.00.00.H2 4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1368	1.003870.000.00.00.H2 4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi
1369	1.003880.000.00.00.H2 4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi
1370	2.001960.000.00.00.H2 4	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp
1371	2.000635.000.00.00.H2 4	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch
1372	1.008003.000.00.00.H2 4	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trồng trọt
1373	1.001158.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Công nghiệp nặng
1374	2.000673.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước
1375	1.004493.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	Bảo vệ thực vật
1376	1.001229.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
1377	1.001211.000.00.00.H2 4	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm
1378	2.000025.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
1379	1.003717.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1380	2.000063.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
1381	2.001434.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
1382	2.000633.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước
1383	2.001646.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Lưu thông hàng hóa trong nước
1384	2.000626.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
1385	2.000662.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Thương mại quốc tế
1386	2.000255.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	Thương mại quốc tế
1387	2.000362.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Thương mại quốc tế
1388	2.000370.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	Thương mại quốc tế
1389	2.000351.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Thương mại quốc tế
1390	2.000559.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Kham bệnh, chữa bệnh
1391	1.001138.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Kham bệnh, chữa bệnh
1392	2.000181.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1393	2.000620.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước
1394	2.000190.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
1395	2.001624.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước
1396	2.000637.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước
1397	2.000194.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh khí
1398	2.000196.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
1399	2.000073.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh khí
1400	2.000387.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
1401	2.000163.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí
1402	2.000142.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh khí
1403	1.008126.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Chăn nuôi
1404	1.003055.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm
1405	2.001283.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí
1406	1.008128.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi
1407	1.001686.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y
1408	1.004363.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật
1409	1.007931.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Bảo vệ thực vật

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1410	2.000591.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm
1411	2.001765.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
1412	1.001786.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ
1413	1.011478.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	Thú y
1414	1.005590.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	Thủy sản
1415	1.003984.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Bảo vệ thực vật
1416	2.000229.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
1417	2.000221.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
1418	1.001716.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ
1419	2.000648.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước
1420	2.001827.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
1421	1.011475.000.00.00.H2 4	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	Thú y

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1422	1.000711.000.00.00.H2 4	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục
1423	1.000713.000.00.00.H2 4	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục
1424	1.000715.000.00.00.H2 4	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục
1425	3.000198.000.00.00.H2 4	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp
1426	1.004923.000.00.00.H2 4	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Thủy sản
1427	1.003956.000.00.00.H2 4	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản
1428	1.000691.000.00.00.H2 4	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1429	1.000482.000.00.00.H2 4	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp
1430	1.000280.000.00.00.H2 4	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
1431	1.000288.000.00.00.H2 4	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1432	1.003712.000.00.00.H2 4	Công nhận nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1433	1.003371.000.00.00.H2 4	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp
1434	1.003727.000.00.00.H2 4	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1435	1.003695.000.00.00.H2 4	Công nhận làng nghề	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
1436	1.009481.000.00.00.H2 4	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	Biển và hải đảo
1437	1.010593.000.00.00.H2 4	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp
1438	1.010595.000.00.00.H2 4	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp
1439	2.000632.000.00.00.H2 4	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp
1440	1.003388.000.00.00.H2 4	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp
1441	1.004889.000.00.00.H2 4	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Văn bằng, chứng chỉ
1442	1.004539.000.00.00.H2 4	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học
1443	1.004478.000.00.00.H2 4	Công bố mở cảng cá loại 3	Thủy sản
1444	2.000655.000.00.00.H2 4	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Y tế Dự phòng
1445	1.002944.000.00.00.H2 4	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế Dự phòng

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1446	1.002467.000.00.00.H2 4	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Y tế Dự phòng
1447	1.003580.000.00.00.H2 4	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Y tế Dự phòng
1448	1.010729.000.00.00.H2 4	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	Môi trường
1449	1.010730.000.00.00.H2 4	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	Môi trường
1450	1.010727.000.00.00.H2 4	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	Môi trường
1451	1.010928.000.00.00.H2 4	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp
1452	2.000314.000.00.00.H2 4	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	Thương mại quốc tế
1453	1.001493.000.00.00.H2 4	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
1454	2.000515.000.00.00.H2 4	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động (cấp tỉnh)	Hòa giải thương mại
1455	1.008004.000.00.00.H2 4	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt
1456	2.001942.000.00.00.H2 4	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em
1457	2.002478.000.00.00.H2 4	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	Giáo dục trung học
1458	2.002481.000.00.00.H2 4	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học
1459	1.004988.000.00.00.H2 4	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác
1460	1.005008.000.00.00.H2 4	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác
1461	1.004552.000.00.00.H2 4	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học
1462	2.001842.000.00.00.H2 4	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học

TT	Mã thủ tục	Tên thủ tục	Lĩnh vực
1463	1.006444.000.00.00.H24	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non
1464	1.006390.000.00.00.H24	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non
1465	1.000509.000.00.00.H24	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp
1466	1.000154.000.00.00.H24	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp
1467	1.000939.000.00.00.H24	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
1468	2.001117.000.00.00.H24	Cho phép hợp báo trong nước (địa phương)	Báo chí
1469	1.000138.000.00.00.H24	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp
1470	1.001122.H24	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp